

ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ 2 – ĐỀ 3**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 12****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Đáp án đề 3****Câu 1. (0,5đ)****Phương pháp giải:**

Đọc kĩ bài thơ

Chú ý số từ trong câu, số câu trong bài

Lời giải chi tiết:

- Thể thơ tự do
- Nhân vật trữ tình: người con của vùng đất miền Trung (yêu tha thiết con người và vùng quê nghèo khó của mình)

Câu 2 (0,5 điểm)**Phương pháp giải:**

Tìm kiếm thông tin trong bài thơ (chú ý khổ 2,3)

Lời giải chi tiết:

- Nhân vật trữ tình bộc lộ tâm trạng khi trở về quê miền Trung, nhớ về kí ức của 10 năm trước, khi biết tin “em” đi lấy chồng xa
- Dòng thơ gợi hoàn cảnh: Hỏi người làng: - Em đã lấy chồng xa/ Em bỏ lại miền Trung đầy bão gió

Câu 3 (1đ)**Phương pháp giải:**

Chú ý phân tích hình ảnh “nón che nghiêng đi trên cát, bóng nón nghiêng che, mái tóc thề”

Chú ý phân tích câu thơ: “Em bỏ lại miền Trung đầy bão gió/ Bỏ cả vùng quê vật vờ dưới nắng hè” và “Nhớ thương em nỗi nhớ chẳng đâu bằng”

Lời giải chi tiết:

- Người “em” xuất hiện
- + Nón che nghiêng đi về trên cát; Ở đâu rồi một bóng nón nghiêng che? Ở đâu , ở đâu một mái tóc thề
- Hình ảnh giàu sức gợi (bóng nón nghiêng che; mái tóc thề), gợi bóng dáng, sự tươi trẻ, e ấp trong em, gợi cái nắng bỏng, khắc nghiệt của miền Trung.
- Câu hỏi tu từ: Ở đâu rồi; ở đâu diễn tả nỗi nhớ, nhớ khắc khoải của nhân vật trữ tình về những ngày xưa, về người em với mái tóc thề và vành nón nghiêng che

- Tác giả muốn gửi gắm đến người “Em”:

- + Trách em đã bỏ quê nghèo mà đi (Em bỏ lại miền Trung đầy bão gió/ Bỏ cả vùng quê vật vờ dưới nắng hè; Em sẽ quên đi gió Lào cát trắng)
- + Quê miền Trung luôn thương nhớ em bằng nỗi nhớ thương sâu nặng (Nhớ thương em nỗi nhớ chẳng đâu bằng)

Câu 4 (1 điểm)

Phương pháp giải:

Tìm kiếm các chi tiết miêu tả không gian và con người miền Trung

Lời giải chi tiết:

- Quê hương miền Trung với không gian cụ thể
- + Con đường nhỏ vắt ngang triền cát
- + Vạt cỏ cháy khô hàng dương gầy xơ xác
- + Miền Trung đầy bão gió; vùng quê vật vờ dưới nắng hè; gió Lào thổi rát miền Trung
→Ngôn ngữ thơ giàu chi tiết, hình ảnh của hiện thực, với các điệp ngữ “gió, cát, nắng” gợi khung cảnh miền Trung với khắc nghiệt chỉ có nắng, gió và cát
- Con người miền Trung
- + Nhưng miền Trung, miền Trung vẫn tảo tần thầm lặng
- + Nhớ thương em nỗi nhớ chẳng đâu bằng
- + Mẹ gọi em về khắc khoải những mùa trăng.
- + Nghệ thuật tương phản (thiên nhiên < con người), hoán dụ và điệp ngữ (miền Trung), ngữ ngữ hàm súc (tảo tần thầm lặng) làm nổi bật đặc trưng của con người miền Trung kiên nhẫn, chịu thương, chịu khó làm lụng để tạo dựng cuộc sống trên đất đai khô cằn...

Câu 5 (1đ)

Phương pháp giải:

Rút ra nội dung, chú ý các cảm xúc được tác giả thể hiện trong tác phẩm

Chú ý lời hô gọi và các câu thơ bộc lộ nỗi nhớ

Lời giải chi tiết:

- Nhan đề Nỗi nhớ miền Trung phù hợp với nội dung và cảm xúc thể hiện trong tác phẩm: cả bài thơ là nỗi nhớ da diết về con người cảnh sắc miền Trung. Những dấu ấn đặc biệt của con người, vùng đất miền Trung trở đi, trở lại trong tác phẩm...
- Cách thể hiện nỗi nhớ.
- + Lời hô gọi: Oi gió Lào thổi rát miền Trung; Nóng bỏng quê nghèo nỗi nhớ em ơi!
- + Bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ: Gió Lào trưa nay cát bay còn cào quá.

+ Anh chạy mãi miết kiếm tìm bóng dáng em: Trên cát bỏng mình anh đi như chạy/Ở đâu rồi một bóng nón nghiêng che?

+Tình tế trong thể hiện nỗi nhớ, tình cảm sâu nặng ở cuối tác phẩm: Nhớ thương em nỗi nhớ chẳng đâu bằng/Mẹ gọi em về khắc khoải những mùa trăng.

- Bức thông điệp: Hãy gắn bó với quê hương dầu quê hương còn gian khổ, đói nghèo.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

Phương pháp giải:

Xác định yêu cầu về dung lượng và vấn đề nghị luận

Chỉ ra nét tương đồng về chủ đề, nội dung và thông điệp

Chỉ ra nét khác biệt về cách thể hiện nỗi nhớ và việc dùng các thủ pháp nghệ thuật

Lời giải chi tiết:

- Nét tương đồng.

+ Miền Trung khắc nghiệt, cần cỗi nghèo.

+ Con người miền Trung tần tảo, nặng nghĩa tình.

+ Nhân vật trữ tình, người con miền Trung, yêu tha thiết và tự hào quê hương mình.

+ Bộc lộ tâm tình với nhân vật “em”: mong em về bên người mẹ đang mong chờ.

- Nét khác biệt:

+ Nỗi nhớ miền Trung – Thuận Hữu: Tha thiết và trách cứ người “em”, bộc lộ nỗi nhớ trực tiếp; Miền Trung – Hoàng Trần Cương: Tha thiết mời “em” về thăm quê miền Trung.

+ Có thể chỉ ra nét khác biệt trong việc dùng các thủ pháp nghệ thuật của 2 tác giả.

Câu 2.

Phương pháp giải:

Xác định yêu cầu về hình thức, dung lượng và vấn đề nghị luận

Vận dụng kĩ năng viết bài nghị luận về một vấn đề đời sống

Lời giải chi tiết:

Phần chính	Nội dung cụ thể
Mở bài (0,5đ)	– Giới thiệu luận đề: việc tự bảo vệ mình trước những thông tin xấu và những lừa đảo trên mạng internet. - Nêu khái quát: Tính cấp thiết vấn đề đối với tuổi trẻ
Thân bài (2,75đ)	*Nêu cách hiểu về thông tin xấu và những lừa đảo trên mạng internet. – Nhận diện tin xấu

	- Biểu hiện đa dạng của thông tin xấu và những lừa đảo trên mạng internet. * Bàn luận về các góc nhìn, cách sử dụng thông tin trên mạng internet. - Nhìn nhận mặt tích cực của thông tin trên mạng internet – Nhìn nhận mặt trái của thông tin trên mạng internet (tin xấu và lừa đảo): ví dụ cụ thể → phân tích nguyên nhân và tác hại (cả tin vì mục đích kiếm tiền, làm giàu nhanh) * Đề xuất cách tự bảo vệ mình trước những thông tin xấu và những lừa đảo trên mạng internet: HS đề xuất các giải pháp cụ thể – Tham khảo gợi ý: Hiểu biết các tính năng, cách sử dụng các tính năng của một số ứng dụng thanh toán, trò chơi; Không tham gia các lời mời gọi làm giàu, có thưởng...; Cập nhật các trò lừa đảo mới... - Dành thời gian học tập, nghiên cứu, giảm thời gian lướt mạng...
Kết bài (0,25đ)	- Nhận thức của cá nhân về vấn đề - Hành động/ dự định của cá nhân (để không lãng phí thời gian)
Yêu cầu khác (0,5đ)	- Sử dụng các thao tác phân tích, đối chiếu chứng minh, bình luận - Dẫn chứng phù hợp với lí lẽ, luận điểm